

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		251.200.649.082	278.339.198.484
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.056.540.004	2.703.894.848
1.	Tiền	111		12.056.540.004	2.703.894.848
2.	Các khoản tương đương tiền	112			
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.481.396.281	79.113.500.651
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	54.367.814.731	71.469.405.368
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	4.958.945.602	5.184.301.154
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5.	Các khoản phải thu khác	135		3.039.861.513	2.845.019.694
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(885.225.565)	(385.225.565)
IV.	Hàng tồn kho	140		154.232.874.968	175.722.353.168
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	155.638.558.871	176.539.510.394
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(1.405.683.903)	(817.157.226)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		23.429.837.829	20.799.449.817
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	4.489.829.163	2.386.203.898
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	1.247.139.732	1.701.403.244
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	17.692.868.934	16.711.842.675

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.435.792.575	109.905.228.049
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		82.339.280.920	89.090.985.768
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	67.832.592.973	74.049.377.496
	Nguyên giá	222		239.227.914.906	237.838.714.906
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.395.321.933)	(163.789.337.410)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	9.203.670.720	9.778.900.140
	Nguyên giá	225		11.504.588.400	11.504.588.400
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.300.917.680)	(1.725.688.260)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.451.073.731	3.408.235.091
	Nguyên giá	228		5.526.231.779	5.340.231.779
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.075.158.048)	(1.931.996.688)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	1.851.943.496	1.854.473.041
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		711.710.000	711.710.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251			
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.311.054.757	1.311.054.757
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(599.344.757)	(599.344.757)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		19.384.801.655	20.102.532.281
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	8.717.110.315	9.434.840.941
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	9.400.186.616	9.400.186.616
3.	Tài sản dài hạn khác	268		1.267.504.724	1.267.504.724
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		353.636.441.657	388.244.426.533

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		220.219.161.074	257.637.049.479
I. Nợ ngắn hạn		310		214.627.397.453	252.193.241.858
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.17	134.608.081.774	133.909.774.270
2. Phải trả người bán		312	V.18	66.942.416.276	102.045.026.864
3. Người mua trả tiền trước		313	V.19	2.400.859.074	4.427.377.156
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.20	2.369.134.400	582.724.954
5. Phải trả người lao động		315	V.21	3.006.489.743	7.586.460.443
6. Chi phí phải trả		316		3.662.038.571	2.977.142.514
7. Phải trả nội bộ		317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.22	2.000.644.744	780.910.614
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			V.23	(362.267.129)	(116.174.957)
II. Nợ dài hạn		330		5.591.763.621	5.443.807.621
1. Phải trả dài hạn người bán		331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332			
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.24	916.907.440	768.951.440
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.25	4.425.422.178	4.425.422.178
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	V.26	249.434.003	249.434.003
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.27		
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337			
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		133.417.280.583	130.607.377.054
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.28	133.417.280.583	130.607.377.054
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		117.000.000.000	117.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413			
4. Cổ phiếu quỹ		414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416			
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		28.518.632.501	28.518.632.501
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		5.378.498.016	5.378.498.016
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		(17.479.849.934)	(20.289.753.463)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		353.636.441.657	388.244.426.533

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		19.191.810	19.191.810
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.841.665.561	2.841.665.561
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		366.442,49	8.725,25
Yên Nhật (¥)		531.379,00	32.879,00
Euro (EUR)		212,05	217,51
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP.HCM, ngày tháng năm 2015

Lê Thị Cẩm Đoan
Người lập

Nguyễn Xuân Vũ
Kế toán trưởng



Trần Thị Hòa Bình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 2 NĂM 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (Q2/2015)	Kỳ trước (Q2/2014)	Lũy kế (2015)	Lũy kế (2014)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	169.643.643.652	149.281.756.964	339.464.014.012	295.395.101.251
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		567.679.850	1.476.824.413	1.011.946.006	1.794.302.433
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp DV	10	VI.1	169.075.963.802	147.804.932.551	338.452.068.006	293.600.798.818
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	136.644.895.126	121.174.861.763	270.527.901.345	239.962.571.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và c.cấp DV	20		32.431.068.676	26.630.070.788	67.924.166.661	53.638.227.318
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	792.727.369	245.714.808	1.143.232.847	458.063.365
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.661.683.119	2.382.745.639	4.827.156.925	5.204.334.203
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.748.276.051	1.982.484.153	3.426.632.560	4.114.248.817
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	16.041.369.666	11.888.632.402	34.965.664.358	27.282.732.901
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13.391.108.487	10.171.101.617	27.402.623.277	24.490.578.397
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		1.129.634.773	2.433.305.938	1.871.954.948	(2.881.354.818)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	191.935.179	1.725.883.515	1.058.260.170	1.991.815.186
12. Chi phí khác	32		15.798.691	39.330	120.311.589	32.920.125
13. Lợi nhuận khác	40		176.136.488	1.725.844.185	937.948.581	1.958.895.061
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.305.771.261	4.159.150.123	2.809.903.529	(922.459.757)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8			-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.305.771.261	4.159.150.123	2.809.903.529	(922.459.757)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	112	355	240	(79)

TP.HCM, ngày

tháng

năm 2015



Lê Thị Cẩm Đoan



Nguyễn Xuân Vũ



Trần Thị Hòa Bình

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN HÀNG XK CẦU TRE

125/208 LƯƠNG THẾ VINH P.TÂN THỚI HÒA Q.TÂN PHÚ TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay(6T/15)	Năm trước(6T/14)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.809.903.529	(922.459.757)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V9-10-11	8.324.375.303	8.577.932.619
- Các khoản dự phòng	03		1.088.526.677	(698.088.297)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(217.730.326)	(61.660.202)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.426.632.560	4.114.248.817
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.431.707.743	11.009.973.180
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.605.341.623	4.353.020.414
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20.900.951.523	27.383.736.586
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(37.870.103.737)	(37.093.084.102)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.385.894.639)	(264.032.101)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.426.632.560)	(4.114.248.817)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	VI.8	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		24.864.027	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(246.092.172)	(180.369.618)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.034.141.808	1.094.995.542
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.572.670.455)	(1.548.647.510)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	-	363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	192.866.299	61.296.566
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.379.804.156)	(1.486.987.308)

CÔNG TY CP CHẾ BIẾN HÀNG XK CẦU TRE

125/208 LƯƠNG THẾ VINH P. TÂN THỚI HÒA Q. TÂN PHÚ TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay(6T/15)	
			Năm nay(6T/15)	Năm nay(6T/14)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17&25	195.650.972.886	185.606.355.824
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17&25	(193.687.160.658)	(189.522.534.342)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.265.504.724)	1.708.431.378
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		698.307.504	(2.207.747.140)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9.352.645.156	(2.599.738.906)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.703.894.848	10.679.873.031
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12.056.540.004	8.080.134.125

TP.HCM, ngày tháng năm 2015


Lê Thị Cẩm Đoàn
Người lập

Nguyễn Xuân Vũ
Kế toán trưởngTrần Thị Hòa Bình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, trồng trọt.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và chế biến thủy hải sản, súc sản, nông sản, thực phẩm tươi và khô phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa; trồng và chế biến chè; cho thuê kho bãi.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Công ty có 1.449 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.512 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa	20 - 25
Vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7
Vườn cây lâu năm	10 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 30 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 24 đến 72 tháng.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Khoản chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo số tiền thực tế chi trả cho người lao động theo thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

Mục đích	Tỷ lệ trích lập tối đa từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bổ sung vốn điều lệ 5%	10% vốn điều lệ
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty 10%	
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động 10%	

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

16.1 Tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra “Đồng” Việt Nam:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

16.2 Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán (quý, bán niên, năm):

- Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá quy định tại Điều 3, Điều 4 của Thông tư này. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi là tỷ giá theo từng thời điểm phát sinh:

- Ngày 30/04/2015 : 21.458 VND/USD; 180,41 VND/JPY và 23.159,62 VND/EUR
- Ngày 31/05/2015 : 21.780 VND/USD; 171,18 VND/JPY và 23.805,97 VND/EUR
- Ngày 30/06/2015 : 21.780 VND/USD; 177,35 VND/JPY và 24.333,84 VND/EUR

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	783.285.292	536.490.983
Tiền gửi ngân hàng	11.273.254.712	2.167.403.865
Các khoản tương đương tiền	-	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	<u>12.056.540.004</u>	<u>2.703.894.848</u>

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng trong nước	19.331.018.723	21.672.616.469
Phải thu khách hàng nước ngoài	35.036.796.008	49.796.788.899
Cộng	<u>54.367.814.731</u>	<u>71.469.405.368</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	17.637.868.934	16.656.842.675
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	55.000.000	55.000.000
Cộng	<u>17.692.868.934</u>	<u>16.711.842.675</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Vườn cây lâu năm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	92.283.217.356	122.447.829.932	6.928.108.048	6.915.634.917	9.263.924.653	237.838.714.906
Tăng trong kỳ	-	759.200.000	630.000.000	-	-	1.389.200.000
<i>Mua sắm mới</i>	-	759.200.000	630.000.000	-	-	1.389.200.000
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Kết chuyển khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>92.283.217.356</u>	<u>123.207.029.932</u>	<u>7.558.108.048</u>	<u>6.915.634.917</u>	<u>9.263.924.653</u>	<u>239.227.914.906</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.468.669.308	53.918.753.125	2.513.414.117	2.812.063.684	-	65.712.900.234
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	65.930.786.529	84.679.357.049	4.805.924.683	4.093.259.818	4.280.009.331	163.789.337.410
Khấu hao trong kỳ	2.295.143.349	4.442.734.171	286.397.640	290.100.267	291.609.096	7.605.984.523
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>68.225.929.878</u>	<u>89.122.091.220</u>	<u>5.092.322.323</u>	<u>4.383.360.085</u>	<u>4.571.618.427</u>	<u>171.395.321.933</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>26.352.430.827</u>	<u>37.768.472.883</u>	<u>2.122.183.365</u>	<u>2.822.375.099</u>	<u>4.983.915.322</u>	<u>74.049.377.496</u>
Số cuối năm	<u>24.057.287.478</u>	<u>34.084.938.712</u>	<u>2.465.785.725</u>	<u>2.532.274.832</u>	<u>4.692.306.226</u>	<u>67.832.592.973</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Trong đó Danh mục tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – CN Thành phố Hồ Chí Minh đến 30/06/2015 với nguyên giá 19.167.137.548 VND, đã khấu hao 7.434.630.727 VND, giá trị còn lại là 11.732.506.821 VND. Và danh mục công cụ, dụng cụ, thiết bị đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – CN Thành phố Hồ Chí Minh đến 30/06/2015 với nguyên giá 607.282.300 VND, đã phân bổ 607.282.300 VND, giá trị còn lại 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm		11.504.588.400				11.504.588.400
Tăng trong kỳ		-				-
<i>Mua sắm mới</i>						
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>						
Thanh lý, Nhượng bán						
Số cuối kỳ		11.504.588.400				11.504.588.400
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm		1.725.688.260				1.725.688.260
Khấu hao trong kỳ		575.229.420				575.229.420
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ		2.300.917.680				2.300.917.680
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	9.778.900.140	-	-	-	9.778.900.140
Số cuối năm	-	9.203.670.720	-	-	-	9.203.670.720
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.290.013.929	1.050.217.850	5.340.231.779
Tăng trong kỳ		186.000.000	186.000.000
Số cuối kỳ	4.290.013.929	1.236.217.850	5.526.231.779
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		172.717.850	172.717.850
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.320.528.838	611.467.850	1.931.996.688
Khấu hao trong kỳ	57.636.360	85.525.000	143.161.360
Số cuối kỳ	1.378.165.198	696.992.850	2.075.158.048
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.969.485.091	438.750.000	3.408.235.091
Số cuối kỳ	2.911.848.731	539.225.000	3.451.073.731
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ XDCB dở dang	1.854.473.041	183.470.455	(186.000.000)	-	1.851.943.496
Cộng	1.854.473.041	183.470.455	(186.000.000)	-	1.851.943.496

13. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu Ngân hàng Cổ phần Sài Gòn Công Thương với số lượng 145.900 cổ phần, tương ứng 1.311.054.757 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số lượng 145.900 cổ phần, tương ứng 1.311.054.757 VND).

Số lượng cổ phần tăng lên do Công ty được nhận cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 22.338 cổ phần trong năm 2011 và 3.558 cổ phần trong năm 2012

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(599.344.757)	(599.344.757)
Cộng	(599.344.757)	(599.344.757)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(599.344.757)	(243.489.757)
Trích lập dự phòng	-	(355.855.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(599.344.757)	(599.344.757)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác-thanh lý</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
CPTT tại Văn phòng Công ty	6.305.975.550	1.998.060.915	(2.310.108.835)	-	5.993.927.630
CPTT tại X.HS	985.077.713	521.340.000	(305.965.467)	-	1.200.452.246
CPTT tại X.thực phẩm chế biến	994.765.955	74.545.455	(297.953.512)	-	771.357.898
CPTT tại NM SP TTTT	511.831.822	-	(175.696.181)	-	336.135.641
CPTT tại X.Trà	112.125.000	-	(29.250.000)	-	82.875.000
CPTT tại Xưởng TA Chế biến sẵn	510.635.115	-	(180.224.163)	-	330.410.952
CPTT tại Nông trường trồng trà Bảo Lâm	14.429.786	-	(12.478.838)	-	1.950.948
Cộng	9.434.840.941	2.593.946.370	(3.311.676.996)	-	8.717.110.315

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	9.400.186.616	17.075.743.260
Số phát sinh	-	808.231.546
Hoàn nhập trong kỳ	-	(8.483.788.190)
Số cuối kỳ	<u>9.400.186.616</u>	<u>9.400.186.616</u>

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng		
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> ⁽ⁱ⁾	129.711.212.073	117.986.543.276
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam-SGD ⁽ⁱⁱ⁾	1.665.364.977	9.460.221.546
Vay ngắn hạn tổ chức khác		
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)		
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	1.966.000.000	3.932.000.000
Okura Food Sales Co., Ltd	-	-
Cty cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	1.265.504.724	2.531.009.448
Cộng	<u>134.608.081.774</u>	<u>133.909.774.270</u>

⁽ⁱ⁾ Công ty vay tại Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Việt nam TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0017/KH/15NH ngày 05 tháng 01 năm 2015. Hạn mức vay: 150 tỷ, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2015; lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất cho vay thoả thuận tại thời điểm nhận nợ nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay ưu đãi của Vietcombank quy định từng thời kỳ. Biện pháp bảo đảm: vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

⁽ⁱⁱ⁾ Công ty vay tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) – Sở giao dịch 1 theo:

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201306745 ngày 03 tháng 10 năm 2013. Hạn mức vay: 50 tỷ, mục đích vay: bổ sung vốn sản xuất kinh doanh mặt hàng thủy hải sản, thực phẩm và trà các loại; thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến 03 tháng 10 năm 2014; lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân là lãi suất cho vay do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân. Bảo đảm tiền vay: tín chấp.

- Biên bản sửa đổi bổ sung số 01/EIB-PGDMK-TP.HCM/2014 thuộc hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201306745 ngày 03 tháng 10 năm 2013. Hạn mức vay: 50 tỷ, mục đích vay: bổ sung vốn sản xuất kinh doanh mặt hàng thủy hải sản, thực phẩm và trà các loại; thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến 03 tháng 10 năm 2015; lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân là lãi suất cho vay do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân. Bảo đảm tiền vay: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	127.446.764.822	195.650.972.886	-	(191.721.160.658)	131.376.577.050
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	6.463.009.448	-	-	(3.231.504.724)	3.231.504.724
Cộng	<u>133.909.774.270</u>	<u>195.650.972.886</u>	<u>-</u>	<u>(194.952.665.382)</u>	<u>134.608.081.774</u>

18. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho người bán trong nước	14.746.181.817	22.894.151.251
Phải trả cho người bán nước ngoài	52.196.234.459	79.150.875.613
Cộng	<u>66.942.416.276</u>	<u>102.045.026.864</u>

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước trả tiền trước	1.675.577.283	4.005.486.044
Khách hàng nước ngoài trả tiền trước	725.281.791	421.891.112
Cộng	<u>2.400.859.074</u>	<u>4.427.377.156</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	575.144.620	110.334.401
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	4.858.950
Thuế xuất nhập khẩu	-	8.940.468
Thuế thu nhập cá nhân	222.756.149	454.846.003
Thuế tài nguyên	3.900.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.567.333.631	-
Thuế GTGT khác	-	1.920.580
Thuế TNDN khác	-	1.824.552
Cộng	<u>2.369.134.400</u>	<u>582.724.954</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Chi tiết thuế và các khoản thu, phải nộp Nhà nước:*

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số được giảm	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	110.334.401	5.110.702.831	-	(4.645.892.612)	575.144.620
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	4.858.950	389.745.986	-	(394.604.936)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	8.940.468	139.850.649	-	(184.645.715)	(35.854.598)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.211.285.134)	-	-	-	(1.211.285.134)
Thuế thu nhập cá nhân	454.846.003	1.751.461.422	-	(1.983.551.276)	222.756.149
Thuế tài nguyên		13.502.000		(9.602.000)	3.900.000
Tiền thuế đất	(490.118.110)	3.743.515.107	-	(1.686.063.366)	1.567.333.631
Các loại thuế khác	3.745.132	10.178.942	-	(13.924.074)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	15.766.417	-	(15.766.417)	-
Cộng	(1.118.678.290)	11.174.723.354	-	(8.934.050.396)	1.121.994.668

Phần thuế xuất nhập khẩu nộp được hoàn lại là 35.854.598 VND. Phần thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày trên chi tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước". Chi tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" đầu năm là 582.724.954 VND, cuối năm là 2.369.134.400 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng tiêu thụ nội địa	5% và 10%
Hàng xuất khẩu	0%

Thuế xuất nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Công văn số 10133/CT-TTHT ngày 24 tháng 11 năm 2011 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi thuế suất theo quy định tại Điểm 1, Mục III Phần E; mức và thời gian miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điểm 1.b, Mục IV Phần E Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi như sau:

- Mức thuế suất 20% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh;
- Miễn 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 là năm đầu tiên chính thức đi vào hoạt động kinh doanh dưới hình thức công ty cổ phần và là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2012 là năm không còn được hưởng ưu đãi mức và thời gian miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điểm 1.b, Mục IV Phần E Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tiền thuê đất

- Tại TP. Hồ Chí Minh: Công ty nộp theo Hợp đồng thuê đất số 401/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 15 tháng 01 năm 2009 cho diện tích 69.231,4 m² tại trụ sở chính theo thông báo nộp tiền của cơ quan thuế hàng năm.
- Tại Nông trường trồng trà Bảo Lâm: Công ty nộp theo thông báo nộp tiền của cơ quan thuế hàng năm.

Các khoản thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

21. Phải trả người lao động

Quỹ lương còn lại phải trả người lao động.

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	418.157.750	418.157.750
Thuế Thu nhập cá nhân quyết toán 2012, 2013	21.560.213	21.560.213
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.560.926.781	341.192.651
Cộng	<u>2.000.644.744</u>	<u>780.910.614</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	24.195.291	-	46.410.000	(10.200.000)	60.405.291
Quỹ phúc lợi	(140.370.248)	-	315.048.000	(597.350.172)	(422.672.420)
Cộng	<u>(116.174.957)</u>	-	<u>361.458.000</u>	<u>(607.550.172)</u>	<u>(362.267.129)</u>

24. Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác là khoản tiền nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng.

25. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	2.949.000.000	2.949.000.000
Cty cho thuê tài chính Quốc tế Chailease ⁽ⁱⁱ⁾	1.476.422.178	1.476.422.178
Cộng	<u>4.425.422.178</u>	<u>4.425.422.178</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay dài hạn Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Việt nam TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0011/ĐTDA/12CD ngày 14 tháng 5 năm 2012. Hạn mức vay: 35 tỷ, mục đích vay: đầu tư và đổi mới máy móc thiết bị 2011-2012; thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến 9 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 03/07/2012; lãi suất cho vay đồng Việt Nam: giảm 1%/tháng so với lãi suất thông báo cho vay của ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản nợ dài hạn Công ty TNHH Cho Thuê Tài chính Quốc Tế Chailease theo Phụ lục số 01 của Hợp đồng thuê tài chính số B120303602 ngày 09/03/2012. Tổng giá trị tài sản thuê (máy móc thiết bị đầu tư cho Nhà máy chế biến thức uống đóng chai) là 12.655.047.240 đ, trả trước 2.531.009.448 đ, giá trị thuê còn lại 10.124.037.792 đ với thời hạn 48 tháng, lãi suất tính theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank + biên độ 3%.

Kỳ hạn thanh toán vay

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống		
Trên 1 năm đến 5 năm	4.425.422.178	4.425.422.178
Tổng nợ	4.425.422.178	4.425.422.178

Chi tiết phát sinh của khoản vay

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh	Chênh lệch tỷ giá	Số kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ
Cty cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	1.476.422.178	-	-	-	1.476.422.178
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	2.949.000.000	-	-	-	2.949.000.000
Cộng	4.425.422.178	-	-	-	4.425.422.178

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	249.434.003	-
Số phát sinh trong kỳ	-	249.434.003
Số cuối kỳ	249.434.003	249.434.003

27. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Kỳ này(6T/15)	Kỳ trước(6T/14)
Số đầu năm	-	-
Số trích lập trong kỳ	-	-
Số đã chi trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**28. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư năm trước	117.000.000.000	-	28.518.632.501	5.378.498.016	(17.410.819.069)	133.486.311.448
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(2.878.934.394)	(2.878.934.394)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-
Bổ sung quỹ từ thuế TNDN được giảm	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh	-	-	-	-	-	-
Xử lý rủi ro tài chính	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	117.000.000.000	-	28.518.632.501	5.378.498.016	(20.289.753.463)	130.607.377.054
Số dư đầu năm nay	117.000.000.000	-	28.518.632.501	5.378.498.016	(20.289.753.463)	130.607.377.054
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	2.809.903.529	2.809.903.529
Chi cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-
Bổ sung từ thuế TNDN được giảm	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-
Xử lý rủi ro tài chính	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	117.000.000.000	-	28.518.632.501	5.378.498.016	(17.479.849.934)	133.417.280.583

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	52.650.000.000	52.650.000.000
Vốn góp của các cổ đông	64.350.000.000	64.350.000.000
Cộng	117.000.000.000	117.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.700.000	11.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.700.000	11.700.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.700.000	11.700.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.700.000	11.700.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.700.000	11.700.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại số dư của tiền và các khoản công nợ theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng

	<u>Kỳ này(6T/15)</u>	<u>Kỳ trước(6T/14)</u>
Tổng doanh thu	339.464.014.012	295.395.101.251
<i>Bán hàng</i>	335.001.096.912	291.005.188.939
<i>Kinh doanh nông sản</i>	-	-
<i>Cho thuê mặt bằng và các hoạt động khác</i>	4.462.917.100	4.389.912.312
<i>Kinh doanh bất động sản</i>	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.011.946.006)	(1.794.302.433)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(475.902.679)	(1.242.142.559)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(516.886.205)	(515.736.205)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(19.157.122)	(36.423.669)
Doanh thu thuần	338.452.068.006	293.600.798.818

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này(6T/15)</u>	<u>Kỳ trước(6T/14)</u>
Thành phẩm đã bán	268.056.765.220	237.421.190.139
Nông sản đã bán	-	-
<i>Cho thuê mặt bằng và các hoạt động khác</i>	2.471.136.125	2.541.381.361
<i>Kinh doanh bất động sản</i>	-	-
Cộng	270.527.901.345	239.962.571.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này(6T/15)</u>	<u>Kỳ trước(6T/14)</u>
Lãi tiền gửi	9.096.299	10.231.566
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	925.502.521	396.766.799
Lãi do đầu tư chứng khoán, chuyển nhượng vốn	43.770.000	51.065.000
Chiết khấu được hưởng	24.864.027	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	140.000.000	-
Cộng	<u>1.143.232.847</u>	<u>458.063.365</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này(6T/15)</u>	<u>Kỳ trước(6T/14)</u>
Chi phí lãi vay	3.426.632.560	4.114.248.817
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.400.524.365	1.090.085.386
Lỗ do đầu tư chứng khoán	-	-
Chi phí thuê tài chính	-	-
Cộng	<u>4.827.156.925</u>	<u>5.204.334.203</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này(6T/15)</u>	<u>Kỳ trước(6T/14)</u>
Chi phí nhân viên	13.393.167.542	11.341.844.002
Chi phí nguyên vật liệu	307.883.842	284.812.006
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.447.702	179.829.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.269.490.156	3.534.276.625
Chi phí bằng tiền khác	16.829.675.116	11.941.970.770
Cộng	<u>34.965.664.358</u>	<u>27.282.732.901</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này(6T/15)</u>	<u>Kỳ trước(6T/14)</u>
Chi phí cho nhân viên	14.227.014.496	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.265.629.294	1.042.593.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.413.892.023	2.595.381.868
Chi phí dự phòng	500.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.948.239.303	4.976.812.164
Chi phí khác	4.047.848.161	2.653.781.467
Cộng	<u>27.402.623.277</u>	<u>24.490.578.397</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này(6T/15)</u>	<u>Kỳ trước(6T/14)</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	-	363.636
Thu khác	1.058.260.170	1.991.451.550
Cộng	<u>1.058.260.170</u>	<u>1.991.815.186</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Thu nhập khác</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu	338.452.068.006		338.452.068.006
Giá vốn	(270.527.901.345)		(270.527.901.345)
Doanh thu hoạt động tài chính	1.143.232.847		1.143.232.847
Chi phí hoạt động tài chính	(4.827.156.925)		(4.827.156.925)
Chi phí bán hàng	(34.965.664.358)		(34.965.664.358)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(27.402.623.277)		(27.402.623.277)
Thu nhập khác	404.958.265	653.301.905	1.058.260.170
Chi phí khác	-	(120.311.589)	(104.512.898)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.276.913.213	532.990.316	2.809.903.529
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:			
- Các khoản điều chỉnh tăng	-		
- Các khoản điều chỉnh giảm	-		
Tổng thu nhập chịu thuế	2.276.913.213	532.990.316	2.809.903.529
Trong đó Thu nhập từ Thanh lý tài sản	-		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-

Doanh nghiệp được ưu đãi thuế TNDN với mức thuế suất 20% trong 10 năm kể từ năm 2007.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này(6T/15)</u>	<u>Kỳ trước(6T/14)</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.809.903.529	(922.459.757)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.700.000	11.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	240	(79)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này(6T/15)</u>	<u>Kỳ trước(6T/14)</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	207.527.473.894	181.300.395.965
Chi phí nhân công	86.112.914.168	76.858.360.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.745.516.069	8.063.640.799
Chi phí dự phòng	500.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.998.287.433	14.013.816.986
Chi phí khác	22.391.724.049	16.141.699.542
Cộng	340.275.915.613	296.377.914.205

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU CẦU TRE

Địa chỉ: Số 125/208 Lương Thế Vinh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

➤ Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này(6T/15)</u>	<u>Kỳ trước(6T/14)</u>
Tiền lương, phụ cấp	3.039.780.299	3.584.160.236
Tiền thưởng	426.237.769	94.170.000
Cộng	3.466.018.068	3.678.330.236

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	Cổ đông lớn chiếm 45% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn như sau:

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền ký quỹ phải thu Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn là 0 VND.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

Lê Thị Cẩm Đoan
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Vũ
Kế toán trưởng



Trần Thị Hòa Bình
Tổng Giám đốc

C. P. H. H.